TÒA ÁN NHÂN DÂN TX. QUẾ VÕ **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2023/QĐST-DS.	*Quế Võ, ngày 01 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 217 và 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST- DS ngày 31/5/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Ph, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Quế Võ;

Địa chỉ: Số 100, khu 1, phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1983;

2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1985;

Đều cùng địa chỉ: Khu phố Mao Dộc, phường Phượng Mao, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Hoàng Thị L có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/7/2023 là: Số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 09/5/2022 là: 591.658.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.592.899 đồng; Lãi quá hạn: 28.153 đồng; Lãi phạt quá hạn: 2.618 đồng; số tiền nợ theo thẻ tín dụng mang tên Nguyễn Hữu Đ là: 47.722.762 đồng; Số tiền nợ thẻ tín dụng mang tên Hoàng Thị L còn nợ là: 7.886.116 đồng. Tổng số nợ gốc của 03 hợp đồng là: 647.266.878 đồng; Lãi trong hạn: 1.592.899 đồng; Lãi quá hạn: 28.153 đồng; Lãi phạt quá hạn: 2.618 đồng. Tổng số tiền nợ là 648.890.548 đồng.

Đến ngày 31/12/2023, anh Đ và chị L có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ.

- Kể từ ngày 25/7/2023, anh Đ và chị L còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202226626818 đã ký ngày 09/5/2022 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16749941 ngày 18/5/2022 mang tên Hoàng Thị L và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16746996 ngày 18/5/2022 mang tên Nguyễn Hữu Đ, được ký giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Quế Võ và bên vay là anh Nguyễn Hữu Đ và chị Hoàng Thị L cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trong thời hạn từ ngày 24/7/2023, anh Nguyễn Hữu Đ và chị Hoàng Thị L thực hiện việc trả nợ hàng tháng thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bắc Ninh – Phòng giao dịch Quế Võ có trách nhiệm đối trừ vào khoản tiền nợ phải trả theo quy định.

3. Án phí: Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Hoàng Thị L tự nguyện chịu cả án phí DSST là 14.970.000 đồng. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 15.447.000 đồng nộp tại biên lai số 0001437 ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

4. Đình chỉ việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng của thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích 143m2 tại thôn Mao Dộc, xã Phượng Mao nay là Khu phố Mao Dộc, phường Phượng Mao, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 094809 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226626818/HĐTC1 ngày 09/05/2022 Tại văn phòng công chứng Hoàng Tâm, số công chứng: 650/HĐTC, quyển số: 01/2022TP/CC – SCC/HĐGD.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

b) Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

<u>Nơi nhận</u>: **THẨM PHÁN**

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND, THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Hoài Phương